

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 41/2023/HS-ST

Ngày: 23-8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Hoàng Mẫn.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mỹ Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2023, tại Hội trường tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/HSST ngày 26/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 08/8/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Quang T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1969 tại Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Học vấn: Lớp 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Dương Bach M (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1940. Hiện ở T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; A, chị, em ruột: Có 05 người, lớn sinh năm: 1964, nhỏ sinh năm: 1975. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 1993, hiện vợ con ở Mỹ; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ban Q. Trưởng Ban quản lý: Ông Vương H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ngã ba C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Đức Anh T3; Sinh năm 1980; Chức vụ: Phó Trưởng Ban Q. Có mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Thống A L; Sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú: Số A, tổ C, thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn mở rộng rẫy để trồng cà phê nên từ ngày 04/04/2023 đến ngày 07/04/2023, [Dương Quang T](#) sử dụng cưa máy cầm tay hiệu Husqvarna 365 đến lô a, khoảng 4, [tiểu khu C](#), rừng phòng hộ (trạng thái tự nhiên) thuộc địa giới hành chính thị trấn D'ran, lâm phần do [Ban Q](#) quản lý sát rẫy cà phê của Trình cưa hạ một số cây thông ba lá và cây gỗ tạp. Sau khi cưa đổ cây, [T](#) tiếp tục dùng cưa cắt nhỏ phần thân cây và lăn xuống khu vực suối gần đó để đốt.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định tại hiện trường có 95 gốc cây (gồm 48 cây thông ba lá và 47 cây gỗ tạp) có đường kính gốc bị cưa hạ từ 11cm đến 73cm, chiều cao vút ngọn các cây bị cưa hạ từ 8m đến 24m; lâm sản bị thiệt hại là $79,690m^3$, diện tích rừng bị huỷ hoại là $3.400m^2$.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 16/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự [huyện Đ](#) xác định $79,690m^3$ gỗ thông ba lá và gỗ tạp mà [Dương Quang T](#) gây thiệt hại có giá trị là 158.081.500đ.

Cáo trạng số 41/CT-VKSĐD ngày 25/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị can [Dương Quang T](#) về tội “Huỷ hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Dương Quang T](#) phạm tội “Huỷ hoại rừng”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Dương Quang T](#) từ 18 đến 24 tháng tù. Buộc bị cáo phải nộp bồi thường tiếp giá trị gỗ thiệt hại là 78.081.500đ để sung ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo có trách nhiệm tự chi phí trồng lại rừng.

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận: từ ngày 04/04/2023 đến ngày 07/04/2023, bị cáo [T](#) sử dụng cưa máy cầm tay đến lô a, khoảng 4, [tiểu khu C](#), sát rẫy cà phê của Trình cưa hạ gồm 48 cây thông ba lá và 47 cây gỗ tạp, đường kính gốc bị cưa hạ từ 11cm đến 73cm, chiều cao vút ngọn các cây bị cưa hạ từ 8m đến 24m. Sau khi cưa đổ cây, bị cáo [T](#) tiếp tục dùng cưa cắt nhỏ phần thân cây và lăn xuống khu vực suối gần đó để đốt. Đến ngày 08/4/2023 thì bị phát hiện, bị cáo đến cơ quan [Công an huyện Đ](#) trình diện.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định tại hiện trường có 95 gốc cây lâm sản bị thiệt hại là $79,690m^3$, diện tích rừng bị huỷ hoại là $3.400m^2$ là đúng. Mục đích cưa phá cây rừng là để mở rộng diện tích đất làm vườn.

Sau khi biết số lâm sản bị thiệt hại có giá trị là 158.081.500đ. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 80.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện Đ](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện Đ](#), Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Từ ngày 04/4/2023 đến ngày 07/4/2023, tại lô a, khoảng 4, [tiểu khu C](#), rừng phòng hộ (trạng thái tự nhiên) thuộc địa giới hành chính [T, huyện Đ](#), [Dương Quang T](#) có hành vi huỷ hoại rừng phòng hộ có diện tích là 3.400m² là vi phạm pháp luật.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi huỷ hoại rừng phòng hộ với diện tích 3.400m² nên trên của [Dương Quang T](#) đã phạm vào tội “Huỷ hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Xét tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, tác động xấu đến môi trường sinh sống của con người. Đối tượng tác động là rừng phòng hộ (trạng thái tự nhiên). Bị cáo biết rõ việc phá rừng là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích muốn có đất sản xuất, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ rừng, bị cáo đã dùng cưa hạ cây rừng với diện tích 3.400m², hậu quả việc làm của bị cáo đã gây thiệt hại về cây rừng quy ra thành tiền là 158.081.500đ. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi bị cáo gây ra nhằm đảm bảo đấu tranh và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại về giá trị lâm sản, là lao động chính trong gia đình nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Diện tích rừng bị phá và giá trị lâm sản thiệt hại tương đối lớn, tình hình huỷ hoại rừng hiện nay xảy ra liên tục, là nguyên nhân gây ra các vụ lũ lụt, sạt lở đất nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, nhằm đảm bảo đấu tranh và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 cưa máy cầm tay, màu cam, hiệu Husqvarna, đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thiệt hại khối lượng lâm sản là 79,690m³ có giá trị là 158.081.500đ. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 80.000.000đ giá trị lâm sản bị thiệt hại, số tiền còn lại là 78.081.500đ cần tiếp tục buộc bị cáo nộp tiếp để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, theo văn bản số 22/QLR ngày 09/8/2023 của [Ban Q](#), xác định tổng mức chi phí trồng lại diện tích 3.400m² rừng bị phá nêu trên là 59.679.000đ. Tại phiên tòa giữa bị cáo và đại diện [Ban Q](#) thỏa thuận: bị cáo có trách nhiệm chịu chi phí trồng lại rừng và chăm sóc trong thời gian 3 năm, xét sự thỏa thuận là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và buộc chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Dương Quang T](#) phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Dương Quang T](#) 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 cửa máy cầm tay, màu cam, hiệu Husqvarna. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo nộp bồi thường cho [Ban Q](#) số tiền 158.081.500đ để sung ngân sách Nhà nước. (Bị cáo đã nộp 80.000.000đ, theo biên lai thu số 0003579 ngày 25/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 78.081.500đ).

Buộc bị cáo [Dương Quang T](#) có trách nhiệm chi tiền mua cây giống để trồng lại diện tích rừng đã phá 3.400m² và có trách nhiệm chăm sóc trong thời hạn 3 năm theo sự hướng dẫn của [Ban Q](#).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo [Dương Quang T](#) phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.900.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- VKSND huyện Đơn Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án huyện Đơn Dương;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS; THA.

Phan Minh Dũng